

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2021

“V/v chị T và anh Th chung sống với
nhau như vợ chồng mà không đăng ký
kết hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thề.
2. Bà Trần Thị Huê.

- T ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Minh T, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08-9-2021, đơn ly hôn ngày 19-8-2021, bản tự khai ngày 06-10-2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Đỗ Thị Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh Đỗ Văn Th đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 5-2001 mà không đăng ký kết hôn, vì lý do thời điểm đó chị chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và cho đến nay thì chị và anh Th cũng chưa đăng ký kết hôn. Sau khi chị và anh Th chung sống cùng với nhau thì chị và anh Th đã chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 07 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do chị và anh Th tính tình không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm, ngoài ra còn do anh Th mãi mê chơi bời, bị mắc nghiện chất ma túy rồi không tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình vợ, con từ đó dẫn đến trong cuộc sống thường ngày chị và anh Th thường hay xảy ra xô xát với nhau, đã nhiều lần anh Th đánh đập ngược đãi chị, chính quyền địa phương phải can thiệp, giải quyết nhưng anh Th vẫn không có thay đổi được gì. Do mâu thuẫn giữa chị và anh Th xảy ra liên tục và ngày càng một trầm trọng hơn mà không thể hàn gắn được. Nên cuối năm 2008 chị đã phải bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của mình ở thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định để sinh sống riêng rồi một thời gian sau chị bỏ đi làm ăn ở nơi xa. Nên chị và anh Th đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, tình nghĩa vợ chồng với nhau suốt từ năm 2008 cho đến nay. Trong thời gian chị đi làm ăn ở xa thì ở nhà anh Th đã đưa một người phụ nữ khác về chung sống cùng với anh Th như vợ chồng và nay anh Th với người phụ nữ đó vẫn đang chung sống cùng với nhau và hai người đã có với nhau 02 người con chung. Do đó chị và anh Th nay không thể đoàn tụ với nhau được nữa và cũng không thể đi đăng ký kết hôn được nữa. Vì vậy chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về hôn nhân không đăng ký kết hôn của chị và anh Th theo quy định của pháp luật và cho chị được ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Chị và anh Th có 02 con chung là các cháu Đỗ Việt A, sinh ngày 27-01-2002 và Đỗ Thu H, sinh ngày 12-11-2007, cả 02 con chung đều trực tiếp ở cùng với anh Th từ khi chị và anh Th sống ly thân với nhau cho đến nay. Về cháu Việt A thì nay đã trưởng thành, lao động tự lập được rồi và đang đi nghĩa vụ quân sự, vì vậy chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết; còn về cháu H thì còn nhỏ và còn đang đi học, vì vậy chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giao cháu H cho anh Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và nếu anh Th có yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi cháu H thì chị sẽ cấp dưỡng cho đến khi cháu H trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những nội dung khác có liên quan: Chị và anh Th không có và chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 06-10-2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Đỗ Văn Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu anh và chị Đỗ Thị Minh T đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 05 năm 2001 mà không có đăng ký kết hôn, vì lý do thời điểm đó chị T chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và cho đến nay thì anh và chị T cũng chưa đăng ký kết hôn. Sau khi anh và chị T chung sống với nhau thì anh và chị T đã chung sống hòa thuận

hạnh phúc với nhau được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh và chị T tính tình không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm, ngoài ra còn do anh chơi bời, không tu chí làm ăn từ đó dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra xô xát với nhau và đã có lần anh đánh đập chị T. Vì vậy mà vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Nên cuối năm 2008 chị T đã tự ý bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của mình để sinh sống rồi một thời gian sau chị T đã bỏ đi làm ăn ở nơi xa. Do đó anh và chị T đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, tình nghĩa vợ chồng với nhau suốt từ đó cho đến nay. Trong thời gian chị T bỏ nhà đi anh đã nhiều lần yêu cầu chị T quay về đoàn tụ vợ chồng nhưng chị T trả lời dứt khoát là không về. Nên năm 2016 anh đã đưa người phụ nữ khác tên là Lâm Thị H, sinh năm 1990, người ở xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái về chung sống cùng với anh như vợ chồng và đến nay anh với chị H đã có với nhau 02 người con chung. Do vậy anh với chị T nay không thể đoàn tụ với nhau được nữa và cũng không thể đăng ký kết hôn với nhau được nữa. Nay chị T xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về hôn nhân không có đăng ký kết hôn của anh và chị T theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 chung đúng như là chị T đã trình bày. Nay cháu Đỗ Việt A thì đã trưởng thành, lao động tự lập được rồi và đang đi nghĩa vụ quân sự, vì vậy anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về cháu Việt A; còn về cháu Đỗ Thu H thì còn nhỏ và còn đang đi học, vì vậy anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu H cùng với anh.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Anh và chị T không có và anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 06-10-2021, cháu Đỗ Thu H trình bày: Cháu là con của mẹ T và bố Th. Nếu mẹ T và bố Th phải ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn được tiếp tục trực tiếp ở cùng với bố Th và cháu đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho cháu được trực tiếp ở cùng với bố Th.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 14-10-2021, đại diện UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn và cho đến nay cũng chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh Th là do chị T và anh Th tính tình không hợp nhau và do anh Th chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ, con. Nên trong cuộc sống chị T và anh Th thường hay xảy ra xô xát, đánh, cãi chửi nhau. Việc chị T và anh Th mâu thuẫn với nhau các tổ chức đoàn thể của địa phương đã nhiều lần phải hòa giải, giải quyết nhưng mâu thuẫn giữa chị T và anh Th cũng không được cải thiện mà ngày lại càng trầm trọng hơn. Do đó khoảng cuối năm 2008 chị T đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của mình ở thôn Đ, xã Đ để sinh sống rồi một thời gian sau chị T đã

bỏ đi làm ăn ở nơi xa, mãi cho đến khoảng năm 2019 chị T mới quay trở về địa phương sinh sống nhưng sau khi trở về thì chị T và anh Th cũng không chung sống cùng với nhau. Do đó chị T và anh Th đã sống ly thân với nhau suốt từ năm 2008 cho đến nay. Trong thời gian chị T và anh Th sống ly thân với nhau thì anh Th đã đưa một người phụ nữ khác về chung sống cùng với anh Th như vợ chồng và đến nay hai người đã có với nhau 02 người con chung.

- Về con chung: Chị T và anh Th có 02 con chung là các cháu Đỗ Việt A, sinh ngày 27-01-2002 và Đỗ Thu H, sinh ngày 12-11-2007. Hiện nay cháu Đỗ Việt A đã trưởng thành, lao động tự lập được rồi và đang đi nghĩa vụ quân sự, còn cháu Đỗ Thu H thì còn nhỏ và còn đang đi học và cháu đang sinh sống cùng với anh Th ở thôn Đ, xã Đ.

- Về điều kiện nuôi con: Hiện nay cả chị T và anh Th đều có sức khỏe, có công việc làm ổn định, có thu nhập ổn định và đều có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con.

- Về tài sản, công nợ và những nội dung khác có liên quan: Do chị T và anh Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên, địa phương không có ý kiến gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Minh T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Minh T và anh Đỗ Văn Th.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Thu H, sinh ngày 12-11-2007 cho anh Đỗ Văn Th trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi cháu H cùng với anh Th.

+ Về tài sản, công nợ và những nội dung khác có liên quan: Chị T và anh Th không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Nên, không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn và bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Đỗ Thị Minh T và anh Đỗ Văn Th đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 05 năm 2001, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn và sau khi chị T, anh Th chung sống với nhau thì chị T và anh Th cũng không đi thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chị T và anh Th chung sống cùng với nhau thì chị T và anh Th đã chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 07 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do chị T và anh Th tính tình không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm, ngoài ra còn do anh Th chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ, con từ đó dẫn đến trong cuộc sống chị T và anh Th Tổng xuyên xảy ra xô xát với nhau. Việc chị T và anh Th xô xát với nhau các tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải, giải quyết nhưng mâu thuẫn giữa chị T và anh Th cũng không được cải thiện mà mâu thuẫn thì ngày lại càng trầm trọng hơn. Nên năm 2008 chị T đã phải bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của mình để sinh sống rồi một thời gian sau chị T đã bỏ đi làm ăn ở xa cho đến mãi năm 2019 chị T mới quay trở về quê sinh sống, nhưng sau khi trở về quê sinh sống thì chị T và anh Th cũng không chung sống cùng với nhau. Do đó chị T và anh Th đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau suốt từ năm 2008 cho đến nay.

Xét việc chị T và anh Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 mà không đăng ký kết hôn và sau khi chị T, anh Th chung sống với nhau thì chị T và anh Th cũng không đi thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và quy định của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Nên hôn nhân của chị T và anh Th chỉ là hôn nhân thực tế và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định của pháp luật được mà hôn nhân của chị T và anh Th chỉ có làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản...; mặt khác hôn nhân của chị T và anh Th cũng không còn tồn tại từ nhiều năm nay và nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh Th cũng đồng ý. Vì vậy mục đích của hôn nhân của chị T và anh Th nay không còn đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Minh T và anh Đỗ Văn Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Xét chị T và anh Th có 02 con chung là các cháu Đỗ Việt A, sinh ngày 27-01-2002 và Đỗ Thu H, sinh ngày 12-11-2007, cả 02 con chung của chị T và anh Th đều do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị T và anh Th sống ly thân với nhau cho đến nay.

Đối với cháu Đỗ Việt A: Xét hiện nay cháu Việt A đã trưởng thành, lao động tự lập được rồi và cháu đang đi nghĩa vụ quân sự; mặt khác thì chị T và anh Th cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về cháu Việt A. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Đỗ Thu H: Xét hiện nay cháu H còn nhỏ và còn đang đi học. Ly hôn chị T và anh Th thống nhất giao cháu H cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng; mặt khác thì cháu H cũng có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với anh Th. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 15, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét anh Th không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu H cùng với mình. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những nội dung khác có liên quan: Xét chị T và anh Th đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Minh T và anh Đỗ Văn Th.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Thu H, sinh ngày 12-11-2007 cho anh Đỗ Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Chị Đỗ Thị Minh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Thu H cùng anh Đỗ Văn Th.

Chị Đỗ Thị Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng chị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Đỗ Văn Th.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Minh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Đỗ Thị Minh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001352 ngày 04-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Minh T và anh Đỗ Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân